

Số: **32** /TB-CCTTBVTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **16** tháng **01** năm 2020

## THÔNG BÁO

**Tình hình sinh vật hại cây trồng đến ngày 14/01/2020  
và dự báo tình hình sinh vật hại cây trồng đến ngày 21/01/2020**

### I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

#### 1.1 Tình hình thời tiết khu vực Nam bộ

Từ đêm 14/01 đến ngày 24/01, có mưa rào và dông vài nơi, ngày nắng. Gió Đông Bắc đến đông cấp 2-3. Nhiệt độ thấp nhất từ: 21-24°C, nhiệt độ cao nhất từ: 31-34°C, có nơi trên 34°C.

#### 1.2 Tình hình sinh trưởng cây trồng

**a) Cây rau:** Diện tích gieo trồng tính từ đầu năm đến nay là 1.140 ha (cao hơn so với cùng kỳ năm trước là 1.034,1 ha), trong đó diện tích gieo trồng rau công nghệ cao (rau thủy canh, rau ăn lá, rau củ quả, dưa lưới...) là 431,9 ha.

Diện tích gieo trồng tại huyện Củ Chi là 689,6 ha, Hóc Môn 212 ha, Bình Chánh 136,5 ha, Quận 12: 79,2 ha, Thủ Đức 10,1 ha, Quận 9: 7,4 ha, Quận 2: 0,1 ha, quận Bình Tân 1,4 ha, Nhà Bè 3,7 ha và quận 7: 0,1 ha. Diện tích gieo trồng rau muống hạt là 25,8 ha và rau muống nước là 328,5 ha.

#### **b) Cây lúa:**

Cây lúa vụ Mùa 2019 đã xuống giống 6.321,6 ha, trong đó huyện Củ Chi 3.862 ha, Bình Chánh 2.025 ha, Cần Giờ 134,8 ha, Hóc Môn 147 ha, Nhà Bè 14,3 ha, Quận Bình Tân 50 ha, Quận 2: 74 ha và Quận 9: 14,5 ha. Cây lúa hiện nay tập trung giai đoạn đẻ nhánh 27 ha, 75,5 ha làm đòng, 232 ha trổ, 462 ha chín và 5.524,6 ha đang thu hoạch. Tổng diện tích mạ Mùa 2019 là 56,25 ha. Trong vụ Mùa 2019 ghi nhận 0,5 ha lúa chết do ngập úng tại xã Long Thới, huyện Nhà Bè.

Cây lúa vụ Đông xuân 2019-2020 đã xuống giống 4.804 ha, trong đó huyện Củ Chi 3.713 ha, Hóc Môn 991 ha và Bình Tân 100 ha. Cây lúa hiện nay tập trung giai đoạn mạ 595 ha, 2.255 ha đẻ nhánh, 1.426 ha làm đòng, 420 ha trổ, 85 ha chín và 23 ha đang thu hoạch.

**c) Hoa lan, cây kiểng:** Diện tích sản xuất hoa, cây kiểng trên địa bàn thành phố là 1.260 ha. Trong đó, diện tích hoa mai: 575 ha, hoa lan: 223 ha, hoa nèn: 92 ha và kiểng - bonsai: 372 ha. Lũy kế diện tích gieo trồng hoa, cây kiểng tính từ đầu năm đến nay là 2.445 ha. Trong đó, huyện Củ Chi là 672,8 ha, Bình Chánh 776 ha, Hóc Môn 102,4 ha, Quận 12: 105,6 ha, Bình Tân 9,5 ha, Thủ Đức 167,8 ha, Quận 9: 40,7 ha, Quận 2: 30,8 ha, Cần Giờ: 57 ha, Nhà Bè: 97,9 ha và Quận 7: 38 ha

**d) Cây trồng khác:** Diện tích canh tác cây lương thực 594,3 ha; cây công nghiệp 1.189,3 ha; cây ăn trái: 3.889,9 ha.

## II. TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI (SVH)

### 2.1 Trên lúa vụ Đông xuân 2019-2020

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 1.117 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (632,2 ha). Các sinh vật hại trên lúa hiện nay chủ yếu gồm có: rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu phao, bọ trĩ, OBV và chuột. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

- Sâu cuốn lá: gây hại trên 106 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (87 ha).
- Sâu phao: gây hại trên 50,2 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (52,6 ha).
- Bọ trĩ: gây hại trên 62 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (100,6 ha).
- Chuột: gây hại trên 58,3 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (47 ha).
- OBV: gây hại trên 743 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (316 ha).

### 2.2 Trên cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau trong tuần qua là 914,7 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (846,2 ha), trong đó diện tích phòng trừ là 505,3 lượt ha chiếm 55,2 % diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, rầy xám, bệnh rỉ trắng và ốc bươu vàng. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- Sâu ăn tạp: gây hại trên 227,1 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (166,7 ha).
- Rầy xám: gây hại trên 78,9 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (48,5 ha).
- OBV: gây hại trên 241,3 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (320,6 ha).
- Bệnh rỉ trắng: gây hại trên 55,5 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (67 ha).

### 2.3 Một số đối tượng sinh vật hại cần lưu ý trên cây trồng khác

Tổng diện tích bị nhiễm bệnh khảm lá do virus *Sri Lanka Cassava Mosaic Virus* (SLCMV) là 71,9 ha, chiếm 14,3 % diện tích gieo trồng (500,5 ha). Bệnh gây hại chủ yếu ở mức độ nhẹ dưới 30 % và gây hại chủ yếu trên các giống sắn KM94 (58,5 ha), KM505 (13,4 ha).

Tổng diện tích bị sâu đục thân (*Chilo suppressalis*) gây hại trên mía là 8 ha, chiếm 4,2 % tổng diện tích gieo trồng (188,9 ha).

Tổng diện tích bị bọ dừa gây hại trên cây dừa là 4,8 ha chiếm 0,8 % diện tích gieo trồng (622,9 ha).

Chưa phát hiện diện tích bị sâu keo mùa thu (*Spodoptera frugiperda*) gây hại trên cây bắp (DTGT 403 ha).

## III. DỰ BÁO TRONG TUẦN TỚI

### 3.1 Trên cây lúa

- Dự kiến trong tuần tới rầy nâu trên đồng ruộng sẽ phổ biến ở giai đoạn tuổi 5- trưởng thành. Do vậy cần thường xuyên theo dõi mật số rầy trên đồng ruộng và mật số rầy vào đèn để chủ động trong công tác phòng trừ rầy nâu trên cây lúa vụ Mùa 2019 và vụ Đông xuân 2019-2020.



- Trong tuần tới sâu cuốn lá sẽ phổ biến ở giai đoạn tuổi 1-tuổi 2. Do vậy cần phải thường xuyên theo dõi tình hình gây hại và bướm trưởng thành vào đèn của sâu cuốn lá để có biện pháp phòng trị kịp thời khi mật số sâu hại cao.

- Bệnh đạo ôn sẽ tiếp tục phát triển từ nhẹ đến trung bình, ở giai đoạn lúa đẻ nhánh đến làm đòng - trở trong điều kiện ẩm độ cao như hiện nay. Cần theo dõi và phát hiện bệnh sớm để phòng trị kịp thời bằng các loại thuốc đặc trị bệnh đạo ôn.

- Lưu ý phòng ngừa tốt đối với OBV đặc biệt đối với lúa mới sạ dưới 15 ngày và những ruộng trũng, khó thoát nước; bệnh bạc lá, lem lép hạt, chuột ở giai đoạn đẻ nhánh - trở chín.

### **3.2 Trên cây rau**

- Trên nhóm rau ăn lá cần chú ý các loài sâu hại sẽ có xu hướng phát sinh phát triển mạnh như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy mềm. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như chết rạp cây con, thối nhũn, thán thư, sương mai, đốm nâu, gỉ trắng trên cây rau muống...

- Trên nhóm rau ăn quả lưu ý các sinh vật hại phổ biến như bọ dưa, bọ trĩ, rầy mềm, bọ phấn, dòi đục lá... Bệnh thán thư, thối thân, đốm lá trên nhóm cây họ bầu bí...

### **3.3 Cây hoa kiểng**

- Hoa lan cần lưu ý một số bệnh hại thường phát sinh mạnh vào giai đoạn mưa, ẩm độ không khí cao như bệnh thán thư, thối thân, vàng lá, đốm lá và một số sâu hại như nhện đỏ, bọ trĩ, muỗi đục nụ hoa lan, rệp vảy ốc.

- Trên cây hoa mai cần lưu ý phòng trị sâu ăn lá, rầy xanh, bọ trĩ, bệnh nấm hồng, cháy lá.

### **3.4 Các loại cây trồng khác**

- Cây khoai mì: bệnh khảm lá, rệp sáp bột hồng.

- Cây bắp: sâu keo mùa thu, sâu đục thân, bệnh đốm lá, vàng lá.

- Cây dưa: bọ cánh cứng và bọ vòi voi.

- Cây xoài: sâu đục thân cành, bệnh thán thư.

- Cây cao su: bệnh loét sọc mặt cạo, nấm hồng, nứt thân chảy mủ.

- Cây nhãn: bệnh chổi rồng.

- Cây có múi: bệnh vàng lá gân xanh (vàng lá greening).

## **IV. ĐỀ NGHỊ**

### **4.1 Cây rau**

- Do thời tiết lạnh nên cần ngâm ủ hạt giống trước khi trồng để tăng khả năng tỷ lệ nảy mầm của cây. Đối với các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như ớt, cà chua, bầu bí... tốt nhất nên gieo cây con trong bầu hoặc luống vườn ươm có che phủ ni lông để cây phát triển tốt trước khi trồng ra ruộng.

- Lưu ý các các loại côn trùng gây hại phát triển mạnh vào vụ Đông Xuân như sâu tơ, sâu xanh, bọ dưa, bọ nhảy, rầy mềm và các bệnh hại như thán thư, sương mai, phấn trắng...

## 4.2 Cây lúa

- Theo dõi diễn biến các đối tượng sâu bệnh trên lúa.

- Thời tiết hiện nay thích hợp sâu năn phát sinh phát triển, cần cảnh báo với các địa phương theo dõi sát đối tượng này nhất là trong đợt gieo sạ vào cuối tháng 10/2019 trên lúa ĐX 2019-2020.

- Kiểm tra mật số rầy nâu trên đồng ruộng để phòng trị kịp thời khi mật số rầy tăng cao. Đồng thời theo dõi diễn biến của rầy nâu vào đên, xác định cao điểm rầy nâu di trú để chỉ đạo xuống giống “né rầy” hiệu quả.

## 4.2 Các loại cây trồng khác

- Triển khai Công văn số 1252/TT-VPPN ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Cục Trồng trọt về việc chỉ đạo triển khai sản xuất vụ Đông xuân 2019-2020 vùng Nam bộ, theo đó cần căn cứ tình hình nguồn nước địa phương để bố trí thời vụ hợp lý, tránh thiệt hại do hạn hán và xâm nhập mặn gây ra; cơ cây giống cây trồng phù hợp, ưu tiên các giống mới có khả năng kháng sâu bệnh, thích nghi với sự biến đổi của khí hậu.

- Căn cứ lịch cắt, giảm nước và mở nước của Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa, Công ty TNHH Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi để bố trí thời vụ sản xuất phù hợp. Trong đó, lịch cắt nước Kênh chính Đông khu tưới Củ Chi bắt đầu từ 7 giờ ngày 01/11/2019 đến hết ngày 15/11/2019 và mở nước lại từ 7 giờ ngày 16/11/2019 đến hết ngày 20/3/2020.

- Tăng cường điều tra phát hiện sâu keo mùa thu trên bắp và trên một số cây trồng khác thuộc họ hòa thảo như lúa, mía... Hướng dẫn người dân phòng trừ sâu keo mùa thu theo quy trình của Cục Bảo vệ thực vật đã ban hành.

- Nghiêm cấm người dân xuống giống khoai mì HSL11; theo dõi sát diện tích và mức độ nhiễm bệnh khảm lá sắn, tiêu hủy các diện tích bị nhiễm bệnh nặng.

- Tăng cường công tác điều tra phát hiện và xử lý đối với các trường hợp nhân nuôi, mua bán Đuông dừa do đây là đối tượng dịch hại nguy hiểm đã bị cấm.!

### Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Cục Thống kê Thành phố;
- Hội Nông dân Thành phố;
- Sở Nông nghiệp và PTNT Thành phố;
- Trung tâm KN, QLKD GCTVN - Sở NN và PTNT;
- UBND các huyện CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND các Quận 2, 9, 12 và Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV tỉnh phía Nam (email);
- BLĐ Chi Cục (email);
- Phòng BVTV;
- Phòng TT, Trạm TTBVTV Quận, Huyện (email);
- Lưu: VT, BVTV.NH (16).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



**Thái Thành Tâm**



**Phụ lục 1**  
**DIỆN TÍCH GIÊU TRÔNG VỤ ĐÔNG XUÂN 2019-2020**

Kỳ báo cáo: đến ngày 14/01/2020

(Kèm thông báo số: 36 /TB-CCTTBVTV, ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Chi cục TTBVTV)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện		So cùng kỳ Năm 2018 (%)	
		Trong tuần	Cộng dồn từ đầu vụ	Trong Tuần	Theo vụ sản xuất
Lúa Mùa 2019	ha	-	6.321,6	-	96,4
Lúa Đông xuân 2019-2020	ha	40	4.804	0,8	105,4
Rau Đông xuân 2019-2020	ha	236,7	3.977,5	6	97,6

**Phụ lục 2**  
**DIỆN TÍCH MỘT SỐ CÂY TRỒNG KHÁC VỤ ĐÔNG XUÂN 2019-2020**

Cây trồng	DTGT (ha)
<b>1.Cây lương thực:</b>	<b>594,3</b>
Bắp	403
Khoai mì	191
Khoai lang	-
<b>2.Cây công nghiệp:</b>	<b>1.189,3</b>
Đậu phộng	3
Thuốc lá	39,5
Mía	188,9
Lài	4,0
Cao su	938,9
Cọ dầu	15
<b>3.Hoa, cây kiểng:</b>	<b>1.260</b>
Hoa mai	575
Hoa lan	223
Hoa nền	92
Kiểng-bonsai	372
<b>4.Cây ăn trái:</b>	<b>3.889,9</b>

**Phụ lục 3. TÌNH HÌNH MỘT SỐ SINH VẬT HẠI CHÍNH TRÊN LÚA VỤ ĐÔNG XUÂN 2019-2020**

Kỳ báo cáo: đến ngày 14/01/2020 (Kèm thông báo số **36** /TB-CCTTBVTV, ngày **16** tháng **01** năm **2020** của Chi cục TTBVTV)

STT	Sinh vật hại	GDST cây trồng	Mật độ (con/m <sup>2</sup> ), tỷ lệ (%)		Diện tích nhiễm (ha)							Cùng kỳ năm 2019	Phân bố	
			Phổ biến	Cao	Tổng số	Nhẹ	TB	Nặng	Thiệt hại	Mất trắng	Xử lý			
1	Sâu cuốn lá	Mạ, ĐN, Đòng	1-5		106	106							87	HM-CC-BT
2	Bọ xít hôi	Trở	3-5		25	25							9	CC
3	Bọ trĩ	Mạ, ĐN	3-5		62	62							100,6	CC-BT
4	Sâu phao	Mạ, ĐN	1-5		50,2	50,2							52,6	HM-CC
5	Cào cào				2	2								BT
6	Đạo ôn	Mạ, ĐN, Đòng, Trở	3-10%		49,5	49,5							14	HM-CC-BT
7	Đốm vằn	Mạ, ĐN, Đòng, Trở	3-5%		21	21							6	HM-CC
8	OBV	Mạ, ĐN, Đòng	3-10		743	743							316	HM-CC-BT
9	Chuột	Mạ, ĐN	3%		58,3	58,3							47	HM-CC-BT
	<b>Tổng cộng</b>				<b>1.117,0</b>	<b>1.117,0</b>							<b>632,2</b>	

**Phụ lục 4. TÌNH HÌNH MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH TRÊN CÂY RAU**

Kỳ báo cáo: đến ngày 14/01/2020 (Kèm thông báo số **36** /TB-CCTTBVT, ngày **16** tháng **01** năm **2020** của Chi cục TTBVT)

STT	Sinh vật hại	Mật độ (con/m <sup>2</sup> ) tỷ lệ (%)		Diện tích nhiễm (ha)					Cùng kỳ năm 2019 (ha)	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Tổng số	Nhẹ	TB	Nặng	Phòng trừ		
1	Bọ nhảy	2-120		35,8	35,8			20,0	13,2	HM-Q12-CC-BC-BT
2	Sâu xanh	1-10		104,9	104,9			64,9	91,9	HM-Q12-CC-BC-BT
3	Sâu tơ	3-12		27,7	27,7			15,9	10,3	HM-Q12-BC
4	Dòi đục lá	2-6		10,7	10,7			6,4	4,7	HM-Q12-CC
5	Sâu đục trái	2-4		3,4	3,4			1,4	3,1	BC-CC
6	Sâu ăn tạp	2-100		227,1	227,1			125,2	166,7	TĐ-Q9-HM-Q12-CC-BC-BT
7	Bọ trĩ	1-10		16,8	16,8			7,8	17,6	CC-BC
8	Rầy mềm	1-900		7,6	7,6			2,6	12,6	BT-BC-CC
9	Rầy xanh	3-7		27,6	27,6			17,8	24,6	HM-CC
10	Rầy xám	100- >500		78,9	78,9			45,9	48,5	TĐ-Q9-HM-Q12
11	Bọ phấn	2-10		11,7	11,7			3,9	14,6	HM-CC
12	Sâu đục đọt			0,5	0,5			0,5	0,5	BC
13	Bọ xít đen			7,2	7,2			3,7	0,2	BC-HM
14	Ruồi đục trái	3-5		10,1	10,1			6,1	9,2	BC-CC
15	OBV	3-30		241,3	241,3			98,9	320,6	TĐ-Q9- HM-Q12-BC-BT
16	Ốc sên	2-5		0,4	0,4			0,4	9,0	BC
17	Tnhũn/r.cải	1-10		13,9	13,9			10,5	6,9	TĐ-HM-Q12-BC
18	Rỉ trắng/RM	2-10		55,5	55,5			46,2	67,0	HM-Q12-BC-CC-BT
19	Đốm lá	2-5		14,8	14,8			12,6	4,4	HM-Q12-BC
20	Héo rũ/d.leo	5-7		1,7	1,7			1,4		HM
21	Ph.vàng/dưa leo, khô qua	5-7		6,4	6,4			5,5	7,0	HM
22	Vàng lá	2-10		10,9	10,9			5,9	11,5	CC-TĐ-BC
	<b>Tổng cộng</b>			<b>914,7</b>	<b>914,7</b>			<b>505,3</b>	<b>846,2</b>	



**Phụ lục 5. DIỆN TÍCH NHIỄM SINH VẬT HẠI TRÊN LÚA ĐÔNG XUÂN 2019-2020 PHÂN BỐ THEO QUẬN, HUYỆN**

Kỳ báo cáo: đến ngày 14/01/2020 (Kèm thông báo số 36 /TB-CCTTBVT, ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Chi cục TTBVT)

STT	Q/H	TĐức	Q2	Q9	HM	Q12	CChi	BChánh	BTân	NBè	CGiờ	Q7	Tổng	Nhẹ	Tb	Nặng
1	Sâu cuốn lá (ha)				82		21		3				106	106		
2	Bọ xít hôi (ha)						25						25	25		
3	Bọ trĩ (ha)						61		1				62	62		
4	Sâu phao (ha)				22,2		28						50,2	50,2		
5	Cào cào (ha)								2				2	2		
6	Đạo ôn (ha)				19,5		26		4				49,5	49,5		
7	Đốm vằn (ha)				4		17						21	21		
8	OBV (ha)				656		85		2				743	743		
9	Chuột (ha)				0,3		57		1				58,3	58,3		
	<b>Tổng cộng</b>				<b>784</b>		<b>320</b>		<b>13</b>				<b>1.117,0</b>	<b>1.117,0</b>		



**Phụ lục 6. DIỆN TÍCH NHIỄM SÂU HẠI TRÊN CÂY RAU PHÂN BỐ THEO QUẬN, HUYỆN**

Kỳ báo cáo: đến ngày 14/01/2020 (Kèm thông báo số **36** /TB-CCTTBVTV, ngày **16** tháng **01** năm **2020** của Chi cục TTBVTV)

STT	Q/H	TĐức	Q2	Q9	Hóc Môn	Q12	CChi	BChánh	BTân	TCộng	Nhệ	TB	Nặng
1	Bọ nhảy				28	0,6	3	4,2	0,01	<b>35,8</b>	35,8		
2	Sâu xanh				58,8	0,6	41	4,5	0,02	<b>104,9</b>	104,9		
3	Sâu tơ				22,6	1		4,1		<b>27,7</b>	27,7		
4	Dòi đục lá				6,2	0,5	4			<b>10,7</b>	10,7		
5	Sâu đục trái						2	1,4		<b>3,4</b>	3,4		
6	Sâu ăn tạp	1		1	111,8	60,9	49	3,3	0,12	<b>227,1</b>	227,1		
7	Bọ trĩ						15	1,8		<b>16,8</b>	16,8		
8	Rầy mềm						7	0,6	0,01	<b>7,6</b>	7,6		
9	Rầy xanh				11,6		16			<b>27,6</b>	27,6		
10	Rầy xám	1,2		1	32,4	44,3				<b>78,9</b>	78,9		
11	Bọ phấn				5,7		6			<b>11,7</b>	11,7		
12	Sâu đục đọt							0,5		<b>0,5</b>	0,5		
13	Bọ xít đen				7			0,2		<b>7,2</b>	7,2		
14	Ruồi đục trái						10	0,1		<b>10,1</b>	10,1		
15	OBV	13		3	110,1	112		0,2	3,00	<b>241,3</b>	241,3		
16	Ốc sên							0,4		<b>0,4</b>	0,4		
17	Tnhũn/r.cải	0,2			11,2	0,3		2,2		<b>13,9</b>	13,9		
18	Ri trắng/RM				11,6	30,5	13	0,4	0,01	<b>55,5</b>	55,5		
19	Đóm lá				14,3	0,4		0,1		<b>14,8</b>	14,8		
20	Héo rũ/d.leo				1,7					<b>1,7</b>	1,7		
21	Ph.vàng/dừa leo, khô qua				6,4					<b>6,4</b>	6,4		
22	Vàng lá	0,7					10	0,2		<b>10,9</b>	10,9		
	<b>T/C</b>	<b>16,1</b>		<b>5</b>	<b>439,4</b>	<b>251,1</b>	<b>176,0</b>	<b>23,9</b>	<b>3,17</b>	<b>914,7</b>	<b>914,7</b>		

